

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: **961** /QĐ-UBND

Đức Cơ, ngày **29** tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Báo cáo thẩm định số 152/BC – TCKH ngày 28 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

- Tên dự án: Công viên Đức Cơ
- Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Cơ.
- Địa điểm xây dựng: Thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): 17/02/2020 đến 15/8/2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư :

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn	Tổng mức đầu tư dự án được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
			Số vốn đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4	5=3-4
Tổng số	11.727.000.000	11.433.700.000	11.280.000.000	153.700.000
1. Nguồn vốn đầu tư công	6.780.000.000	6.780.000.000	6.780.000.000	0
1.1 Ngân sách nhà nước	6.780.000.000	6.780.000.000	6.780.000.000	0
- Vốn ngân sách TW				
- Vốn NS địa phương:	6.780.000.000	6.780.000.000	6.780.000.000	0
+ NS tỉnh phân cấp	2.780.000.000	2.780.000.000	2.780.000.000	0
+ Tiền sử dụng đất	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	0
1.2 Nguồn vốn khác thuộc vốn đầu tư công	0	0	0	0
2. Nguồn vốn khác:	4.947.000.000	4.653.700.000	4.500.000.000	153.700.000

2. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
1	2	3
Tổng số	11.727.000.000	11.433.700.000
1. Xây dựng	10.227.390.000	10.118.611.000
2. Thiết bị	210.100.000	170.000.000
3. Quản lý dự án	262.171.000	262.170.000
4. Tư vấn	790.542.000	752.612.000
5. Chi phí khác	223.837.000	130.307.000
6. Dự phòng	1.012.960.000	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không

4. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
1	2	3	4	5
Tổng số			11.433.700.000	
1. Tài sản dài hạn			11.433.700.000	
2. Tài sản ngắn hạn			0	

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư là:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3
Tổng số	11.280.000.000	
1. Nguồn vốn đầu tư công	6.780.000.000	
1.1 Ngân sách nhà nước	6.780.000.000	
- Vốn ngân sách trung ương	0	
- Vốn ngân sách địa phương	6.780.000.000	
+ Tỉnh phân cấp huyện quyết định đầu tư	2.780.000.000	
+ Tiền sử dụng đất	4.000.000.000	
1.2 Nguồn vốn khác thuộc vốn đầu tư công	0	
2. Nguồn vốn khác:	4.500.000.000	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 31/5/2021.

- Tổng nợ phải thu: 261.000 đồng, Chi phí quyết toán (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện)

- Tổng nợ phải trả: 153.961.000 đồng, chi phí xây dựng (Công ty TNHH xây dựng Thuận Nguyên)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: Đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	2	3
Đội Công trình giao thông và Dịch vụ đô thị huyện Đức Cơ	11.433.700.000	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan có liên quan:

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm bàn giao các hồ sơ có liên quan cho Đội Công trình giao thông và Dịch vụ đô thị huyện phục vụ quản lý và sử dụng theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ;

- Đội Công trình giao thông và Dịch vụ đô thị huyện được bàn giao tài sản có trách nhiệm quản lý và sử dụng có hiệu quả công trình; Thực hiện việc theo dõi sổ sách, lưu trữ, báo cáo tài sản theo chế độ kế toán hiện hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn Phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; Đội Công trình giao thông và Dịch vụ đô thị huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Chư Ty; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu VT-VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Phận

Số: 152/BC-TCKH

Đức Cơ, ngày 28 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Công trình: Công viên Đức Cơ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện.

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND huyện về việc Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Công viên Đức Cơ;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND huyện về việc Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Công viên Đức Cơ;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 106/2020/BC-BCXD ngày 14/12/2020 của Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán TVASC Việt Nam về báo cáo quyết toán dự án hoàn thành công trình: Công viên Đức Cơ.

Trên cơ sở Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 18/5/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện về việc đề nghị thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình: Công viên Đức Cơ. Sau khi thẩm tra, Phòng Tài chính - Kế hoạch, báo cáo kết quả như sau:

I. Tóm tắt dự án

1. Tên dự án: Công viên Đức Cơ.

Hạng mục: Nạo vét lòng hồ, kè đá mái Taluy, đắp đất, đường nội bộ, hệ thống điện, nước, cây xanh, giếng khoan, trồng cỏ và nhà vệ sinh.

2. Mã số dự án: 7804678

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Cơ.

4. Cơ quan quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ.

5. Nguồn vốn đầu tư: Cân đối ngân sách tỉnh phân cấp huyện quyết định đầu tư, nguồn tiền sử dụng đất, chỉnh trang đô thị và nguồn vốn khác.

6. Địa điểm đầu tư: Thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.

7. Thời gian thực hiện dự án: 17/02/2020 đến 15/8/2020.

8. Tổng mức đầu tư xây dựng: 11.727.000.000 đồng.
9. Đơn vị tư vấn khảo sát: Công ty TNHH MTV khảo sát tư vấn XD Hoàng Bình
10. Đơn vị tư vấn lập báo cáo KTKT: Công ty TNHH tư vấn XD Miền Nam
11. Đơn vị thẩm tra báo cáo KTKT: Công ty TNHH tư vấn thiết kế đầu tư và xây dựng Phú Thịnh
12. Đơn vị tư vấn giám sát thi công: Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng Hạ tầng Gia Lai.
13. Đơn vị thi công xây dựng: Công ty TNHH xây dựng Thuận Nguyên.
14. Đơn vị kiểm toán: Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán TVASC Việt Nam.
15. Quy mô và quy cách xây dựng: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III, nhóm C.
- a. Nạo vét hồ: Nạo vét đất bùn trong lòng hồ trung bình 1,5- 2m và san, đầm đáy hồ, Đạt chiều sâu mực nước cao nhất 5m; Diện tích nạo vét lòng hồ 12.558 m²; Khối lượng nạo vét 26.015,05 m³.
- b. Đào đắp bờ taluy thành hồ, đắp đất triền dốc trong khuôn viên cảnh quan: Đắp đất, san tạo nền trong khuôn viên cảnh quan, tạo độ dốc về đáy hồ.
- Khối lượng đào bờ taluy 6.315,372 m³.
 - Khối lượng đắp bờ taluy 1.966,457 m³. Đắp đất độ chặt K = 0.90.
 - Khối lượng đất đắp tạo cảnh quan trong khuôn viên 15.302,128 m³. Đắp đất độ chặt K = 0.85.
 - Khối lượng đắp đất taluy giằng kè BTCT 265,656 m³. Đắp đất, K = 0.85.
- c. Kè đá mái taluy kết hợp giằng kè BTCT:
- Kè đá mái taluy: Tổng chiều dài kè đá L = 491,29 m; Kết cấu lót móng kè đá 40x60 VXM mác 50, thân kè xây đá chẻ VXM mác 75.
 - Giằng kè bê tông cốt thép: Tổng chiều dài kè bê tông L = 565m; Kết cấu lót móng đá 40x60 VXM mác 50; Kết cấu kè bê tông đá 1x2 mác 200.
- d. Đường nội bộ trong khuôn viên:
- Lan can: Sử dụng lan can trụ sắt D76 x 2 cao 1,1m, khoảng cách trụ 2,5m kết hợp 2 dây treo xích bằng sắt d10. Toàn bộ sơn 3 nước màu trắng, chiều dài 535 m;
 - Đường dạo quanh hồ lát đá Bazan băm: Tổng diện tích 805,35 m². Cấu tạo lớp lót sân bê tông đá 4x6 VXM mác 50 dày 80; Trên lát đá Bazan băm KT (300x500) dày 30mm;
 - Đường bê tông lõi lên xuống bậc cấp: Diện tích 230 m²; Lót móng nền sân bằng bê tông đá 4x6 VXM mác 50 dày 80; Lót mặt sân bằng bê tông đá 1x2 Mác 200 dày 80 có cắt roon 1x1m;
 - Đường bê tông nội bộ mở rộng: Diện tích 280 m²; Lót móng nền sân bằng BT đá 4x6 VXM mác 50 dày 100; Lót mặt sân bằng bê tông đá 1x2 Mác 200 dày 70
 - Bậc thang lên xuống trong khuôn viên dài 36,9 m; Bê tông lót đá 4x6 VXM mác 50 dày 80; Bậc cấp xây đá chẻ VXM mác 75; Bậc cấp tô trát, láng, quét nước xi măng hoàn thiện.
- e. Hệ thống cấp, thoát nước:
- * Hệ thống thoát nước:

- Hệ thống thoát nước đường Lê Duẩn:

+ Tại vị trí cống lồi vào công viên(1): Tận dụng hệ thống cũ, bố trí nổi hạ lưu cống thoát nước bằng cống ly tâm, đường kính 1m, Chiều dài $L = 41,58\text{m}$.

+ Tại vị trí cống thu nước từ các trục chính đường thị trấn về hồ (2): $L = 35,2\text{m}$; Tận dụng cống cũ, bố trí nổi hạ lưu cống về hồ bằng cống ly tâm, $D = 1.5\text{m}$;

- Hệ thống thoát nước đường nội bộ đường hiện trạng (3,4): Chiều dài $L = 39,2\text{m}$; Mương thoát nước bằng cống buy ly tâm, đường kính 0.8m,.

- Mương thoát nước đường Lý Thái Tổ (Góc Thủy Tạ): Chiều dài mương $L = 24,5\text{m}$; Quy cách mương thoát nước: Lót móng mương bê tông đá 4x6 VXM mức 50; Mương xây đá chẻ VXM mức 75; Đáy mương láng vữa XM mức 75 trên đập đan BTCT đúc sẵn đá 1x2 mức 200.

- Hệ thống mương thoát nước bao quanh bờ hồ: Chiều dài mương $L = 544\text{m}$; Quy cách mương thoát nước: Lót móng mương bê tông đá 4x6 VXM mức 50; Mương xây đá chẻ VXM mức 75; Đáy mương láng vữa XM mức 75 trên đập đan BTCT đục lỗ đúc sẵn đá 1x2 mức 200.

- Hệ thống thoát nước xả tràn đường Lý Thái Tổ: Chiều dài $L = 43\text{m}$; Kết cấu lót móng đá 40x60 VXM mức 75 dày 200; Kết cấu thành mương BTCT đá 1x2 mức 200. Mương đập đan BTCT đúc sẵn đá 1x2 mức 200.

* Hệ thống cấp nước: Thiết kế giếng khoan sâu 120m (03 giếng); Đường kính giếng khoan D168mm, đường kính ống cấp D140mm. Toàn bộ Giếng khoan sử dụng ống cấp PVC D140 dày 5li kết hợp lưới lọc đất và máy bơm cấp nước sử dụng cho công trình. Sử dụng ống nhựa PVC D42 dẫn nước cấp từ giếng khoan bơm vào hồ. Chiều dài $L = 90\text{m}$. Sử dụng ống nhựa PVC D34 dẫn nước từ giếng khoan tưới cây xanh, thảm cỏ. Chiều dài $L = 467\text{m}$.

f. Hệ thống điện chiếu sáng khuôn viên: Bố trí hệ thống cấp điện chiếu sáng cho toàn bộ khuôn viên, tuyến dây từ lưới điện quốc gia đi qua. Sử dụng cột đèn chiếu sáng cao áp $H = 8\text{m}$, công suất bóng Led 120W cần đôi và cột đèn trang trí sân vườn 4 bóng D400, công suất bóng compact 20W.

g. Bến thuyền:

- Công trình cấp IV - 01 tầng; Diện tích xây dựng: 76 m^2 ;

- Kết cấu chịu lực chính: Móng trụ, dầm, sàn bằng BTCT toàn khối đá 1x2 Mác 200 chịu lực chính; Bố trí bậc thang xuống đáy hồ bằng BTCT kết hợp lan can bảo vệ ống tay vịn bằng ống Inox tổ hợp (Trụ đứng hộp $90 \times 90 \times 1,4$ cao 1,2m, khoảng cách trụ $3\text{m} + 2$ thanh ngang D60 x 1,4 + Thanh đứng D27 x 1 a150, 4 buloong liên kết d12). Nền lát đá Bazan băm KT (300x500) dày 30mm; Bố trí hệ thống cấp điện chiếu sáng hoàn chỉnh.

h. Trồng cây xanh, thảm cỏ:

- Bố trí trồng các cây thân gỗ trên triền dốc như cây Liễu rũ; Osaka vàng; Bàng đài loan; Sò đo cam và cây Thông. Toàn bộ sử dụng cây đã được đâm ủ;

- Trồng cỏ lá gừng trong bồn hoa. Diện tích 685 m^2 ;

- Trồng cỏ lá gừng dưới kè. Diện tích 555 m^2 .

- Trồng cỏ lá gừng trên triền dốc. Diện tích 12.900 m^2 .

i. Nhà vệ sinh di động:

II. Phạm vi thẩm tra quyết toán:

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thực hiện thẩm tra trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành do Chủ đầu tư cung cấp (kể cả Báo cáo Báo cáo kiểm toán số 106/2020/BC-BCXD ngày 14/12/2020 của Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán TVASC Việt Nam) ; Phòng Tài chính - Kế hoạch không kiểm tra thực tế tại hiện trường xây dựng công trình; không kiểm tra, đối chiếu tại đơn vị; không xác nhận nguồn gốc, số lượng, chủng loại vật tư được sử dụng vào xây dựng công trình; không kiểm tra đối chiếu các hóa đơn vật liệu, nhân công, máy thi công đã sử dụng. Chủ đầu tư và đơn vị thi công chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng công trình và các hồ sơ, tài liệu đã cung cấp.

III. Kết quả thẩm tra:

1. Về hồ sơ pháp lý của dự án

- Hồ sơ được lập, thẩm định và phê duyệt cơ bản đảm bảo các quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

- Công tác lựa chọn nhà thầu cơ bản đảm bảo quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu và lựa chọn nhà thầu.

- Việc ký kết hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

- Hợp đồng kiểm toán số 106/2020/HĐ-XD ngày 30/9/2020 giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Cơ và Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán TVASC Việt Nam về Kiểm toán độc lập công trình: Công viên Đức Cơ đảm bảo quy định

- Báo cáo kiểm toán số 106/2020/BC-BCXD ngày 14/12/2020 của Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán TVASC Việt Nam về báo cáo quyết toán dự án hoàn thành công trình: Công viên Đức Cơ đảm bảo các nội dung theo quy định tại chuẩn mực số 1000 ban hành kèm theo Thông tư số 67/2015/TT-BTC ngày 8/5/2015 của Bộ Tài chính và Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước.

- Biên bản nghiệm thu số 106/2020/BBNT ngày 14/12/2020 giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Cơ và Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán TVASC Việt Nam về Kiểm toán độc lập công trình: Công viên Đức Cơ

2. Về chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, những căn cứ pháp lý kiểm toán viên sử dụng để kiểm toán: Đảm bảo

3. Những kiến nghị, nội dung mà chủ đầu tư không thống nhất với kết quả kiểm toán: Không

4. Kết quả đầu tư:

4.1. Nguồn vốn đầu tư của dự án

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên nguồn vốn	Được duyệt	Thực hiện
	Tổng cộng	11.727.000.000	11.280.000.000
1	Nguồn vốn đầu tư công	6.780.000.000	6.780.000.000
1.1	Ngân sách nhà nước	6.780.000.000	6.780.000.000
	- Vốn ngân sách trung ương:		
	- Vốn ngân sách địa phương:	6.780.000.000	6.780.000.000
	+ Ngân sách tỉnh phân cấp huyện	2.780.000.000	2.780.000.000
	+Tiền sử dụng đất	4.000.000.000	4.000.000.000
1.2	Nguồn vốn khác thuộc nguồn đầu tư công		
2	Nguồn vốn khác:	4.947.000.000	4.500.000.000

Tính đến thời điểm khóa sổ lập báo cáo quyết toán, vốn do Chủ đầu tư báo cáo và số liệu của cơ quan cấp phát thanh toán khớp đúng. Việc quản lý và sử dụng nguồn vốn trên đảm bảo theo quy định.

4.2. Chi phí đầu tư của dự án:

Đơn vị tính: đồng

S TT	Khoản mục chi phí	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị thẩm tra quyết toán	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
	Tổng số	11.433.961.000	11.433.700.000	-261.000
1	Chi phí xây dựng	10.118.611.000	10.118.611.000	0
2	Thiết bị	170.000.000	170.000.000	0
3	Chi phí QLDA	262.170.000	262.170.000	0
4	Chi phí tư vấn	752.612.000	752.612.000	0
5	Chi phí khác	130.568.000	130.307.000	-261.000

4.3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không

4.4. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý	Công trình bàn giao cho đơn vị khác
	Giá trị công trình		11.433.700.000
1	Vốn đầu tư thành tài sản cố định		11.433.700.000
2	Vốn đầu tư thành tài sản lưu động		0

4.5. Tình hình công nợ

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng	Đã chi trả	Giá trị chấp nhận quyết toán	Phải thu, phải trả đến ngày lập BC quyết toán	
				Phải thu	Phải trả
1. Công ty TNHH MTV khảo sát tư vấn XD Hoàng Bình	Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất	71.580.000	71.580.000		
2. Công ty TNHH tư vấn XD Miền Nam	Tư vấn lập BC KTKT	336.920.000	336.920.000		
3. Công ty TNHH xây dựng Thuận Nguyên.	Thi công XL công trình	10.134.650.000	10.288.611.000		153.961.000
4. Công ty TNHH MTV tư vấn XD Hạ tầng Gia Lai	Giám sát thi công XD	264.122.000	264.122.000		
5. Công ty TNHH tư vấn thiết kế đầu tư và XD Phú Thịnh	Thẩm tra Báo cáo KTKT	39.680.000	39.680.000		
6. Công ty TNHH tư vấn thiết kế đầu tư và XD Phú Thịnh	Lập HSMT, đánh giá HSDT	40.310.000	40.310.000		
7. Công ty Bảo hiểm bưu điện Gia Lai	Bảo hiểm công trình	10.220.000	10.220.000		
8. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán TVASC Việt Nam	Kiểm toán	82.020.000	82.020.000		
9. Ban quản lý dự án	Chi phí BQL	262.170.000	262.170.000		
10. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	TĐ HSMT và KQLC nhà thầu	9.488.000	9.488.000		
11. Phòng Tài chính-KH	Thẩm tra QT	22.840.000	22.840.000	261.000	
12. Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Kiểm tra công tác NT	6.000.000	6.000.000		
Tổng cộng		11.280.000.000	11.433.700.000	261.000	153.961.000

Tình hình Nợ phải thu - Nợ phải trả đến ngày báo cáo thẩm tra quyết toán:

- Tổng nợ phải thu: 261.000 đồng, Chi phí quyết toán (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện)

- Tổng nợ phải trả: 153.961.000 đồng, chi phí xây dựng (Công ty TNHH xây dựng Thuận Nguyên)

4.6. Việc chấp hành của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan đối với ý kiến kết luận, kết quả điều tra của cơ quan pháp luật và cơ quan khác: Chưa có ý kiến kết luận của các cơ quan có liên quan

4.7. Nhận xét, đánh giá và kiến nghị:

a. Nhận xét, đánh giá:

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện (BQL) đã thực hiện cơ bản đảm bảo các quy định của Chính phủ về quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí đầu tư công trình, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng, về ký kết hợp đồng, về quản lý chất lượng.

- BQL chấp hành thời gian lập báo cáo quyết toán chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020.

b. Kiến nghị về giá trị quyết toán và xử lý các vấn đề khác:

- Đề nghị BQL kiểm điểm rút kinh nghiệm trong quá trình lập Báo cáo quyết toán vốn đầu tư đối với dự án nêu trên;

- Đề nghị BQL theo dõi sổ sách, thực hiện chế độ kế toán đơn vị Chủ đầu tư theo quy định tại Thông tư số 79/2019/TT-BTC ngày 14/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng BQL dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- BQL có trách nhiệm bàn giao các hồ sơ có liên quan cho Đội Công trình giao thông và Dịch vụ đô thị huyện Đức Cơ phục vụ quản lý và sử dụng công trình; tổ chức lập 01 bộ hồ sơ dự án phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ; gửi quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành đến Kho bạc Nhà nước để làm thủ tục tất toán dự án sau khi được phê duyệt;

- Giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán: 11.433.700.000 đồng (Mười một tỷ, bốn trăm, ba mươi ba triệu, bảy trăm ngàn đồng y).

Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện;
- Lưu VT-TCKH

NGƯỜI THẨM TRA



Lê Thị Hoàng Oanh

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Quang